|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** **TỈNH QUẢNG NAM** Số:/BC-UBND**DỰ THẢO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Quảng Nam, ngày tháng 11 năm 2022 |

**BÁO CÁO**

**Tình hình thực hiện phát triển kinh tế - xã hội**

**tháng 10 và 10 tháng đầu năm 2022**

Tình hình thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn bao trùm, với không ít thách thức đan xen như chiến tranh giữa Nga và Ucraina, tình hình dịch Covid-19 còn diễn biến phức tạp. Tình hình thiên tai còn diễn biến phức tạp, các đợt mưa rất to, gió mạnh đã gây thiệt hại và ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân.

Với quyết tâm cao trong lãnh chỉ đạo và điều hành, căn cứ vào các Kết luận, Nghị quyết của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, cùng với cả nước, Quảng Nam thực hiện thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát tốt dịch Covid-19, tập trung khắc phục hậu quả của thiên tai và mưa lũ gây ra đảm bảo kịp thời, sớm ổn định đời sống, sản xuất của Nhân dân trên địa bàn tỉnh; tích cực tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân; nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và phát triển kết cấu hạ tầng, đô thị; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực tạo chuyển biến tích cực trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, phát triển đô thị, quản lý đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân theo hướng bền vững, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; ổn định chính trị - xã hội và an toàn, an ninh cho nhân dân.

Trong 10 tháng đầu năm 2022, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ, Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 03/12/2021 của Tỉnh ủy về phương hướng, nhiệm vụ năm 2022, Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh về bổ sung nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng cuối năm 2022. UBND tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 01/CTr-UBND ngày 01/01/2022, tiếp tục triển khai thực hiện thực hiện hiệu quả Thông báo số 135/TB-VPCP ngày 06/5/2022 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Quảng Nam, Thông báo số 1330/TB-TTKQH ngày 08/8/2022 của Tổng thư ký Quốc hội về thông báo kết luận của Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ tại cuộc làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam để tổ chức thực hiện đạt kết quả tốt nhất kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và các năm tiếp theo. Qua đó, kết quả tình hình phát triển kinh tế - xã hội tháng 10, 10 tháng đầu năm 2022 đạt được một số kết quả như sau:

**I. Tình hình thực hiện phát triển kinh tế - xã hội 10 tháng năm 2022**

 **1. Về kinh tế**

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) ước tính quý III/2022 tăng cao ở mức 18,7%[[1]](#footnote-1); GRDP 9 tháng năm 2022 tăng gần 13,2% so với cùng kỳ, xếp vị thứ 8/63 tỉnh, thành phố cả nước, 2/5 địa phương trong Khu vực trọng điểm kinh tế Miền Trung, 4/14 tỉnh, thành phố trong vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung về tốc độ tăng trưởng kinh tế[[2]](#footnote-2). Dự kiến tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2022 tăng trên 10%, cao hơn so với năm 2021 (5,04%), vượt chỉ tiêu Nghị quyết HĐND tỉnh giao đầu năm (7,5-8%).

Quy mô nền kinh tế 9 tháng năm 2022 đạt hơn 83 nghìn tỷ đồng (giá hiện hành); Quảng Nam xếp vị thứ: 19/63 tỉnh, thành phố cả nước; 04/14 tỉnh Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung (sau Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng); 2/5 tỉnh Khu vực trọng điểm kinh tế Miền Trung. Cơ cấu GRDP 9 tháng năm 2022: khu vực nông lâm thủy sản chiếm tỷ trọng 14,9%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 34,7%; khu vực dịch vụ chiếm 32,7%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 17,7%[[3]](#footnote-3).

***1.1. Sản xuất ngành công nghiệp***

Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp tháng 10/2022 tăng 17,1% so với tháng trước và tăng 14,7% so với tháng cùng kỳ năm 2021. Cộng dồn 10 tháng năm 2022, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 25,3% so cùng kỳ năm trước, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục duy trì đà tăng trưởng cao tăng 25,2%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 31,3%; ngành khai khoáng tăng 16,8% và ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,5% so với cùng kỳ.

Một số ngành công nghiệp có chỉ số sản xuất cộng dồn 10 tháng năm 2022 tăng cao như: khai khoáng khác tăng 31%; sản xuất đồ uống tăng 35,7%; sản xuất xe có động cơ tăng 55%,....Bên cạnh đó, có một số ngành công nghiệp sản xuất giảm như: sản xuất chế biến thực phẩm giảm 23,6%; dệt may giảm 24,3%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa giảm 36%…

Tính chung 10 tháng năm 2022, một số sản phẩm công nghiệp chủ lực tăng cao so với cùng kỳ như: ôtô du lịch đạt 81,5 nghìn chiếc, tăng 81%; cát trắng đạt 19,7 nghìn m3, tăng 80%; nước ngọt đạt 249 triệu lít, tăng 36%; điện sản xuất đạt 4.433 triệu Kwh, tăng 35,5%.

Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp tại các doanh nghiệp công nghiệp tính đến thời điểm cuối tháng 10 năm 2022 ước tính tăng 9,7% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo có chỉ số sử dụng lao động trong tăng 10,5%, ngành sản xuất và phân phối điện tăng 4,6%; ngành cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải (-4,9%). Trong khi đó, chỉ số sử dụng lao động các doanh nghiệp ngành khai khoáng giảm 4,8% so với cùng kỳ.

***1.2. Thương mại, dịch vụ***

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 10/2022 ước đạt trên 4,7 nghìn tỷ đồng, giảm 11,7% so với tháng trước. Tính chung 10 tháng năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt trên 51,7 nghìn tỷ đồng, tăng 15,5% so với. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt trên 40 nghìn tỷ đồng, chiếm 77,4% tổng mức và tăng 12,5% so với cùng kỳ; Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước đạt gần 7,3 nghìn tỷ đồng, tăng 35% (doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 821 tỷ đồng tăng 202%, doanh thu dịch vụ ăn uống gần 6,5 nghìn tỷ đồng tăng 26%; Doanh thu dịch vụ khác 4,3 nghìn tỷ đồng tăng 15% và doanh thu du lịch lữ hành đạt 72 tỷ đồng tăng 396%.

Hưởng ứng Năm Du lịch quốc gia - Quảng Nam 2022, tỉnh đã tích cực tổ chức nhiều hoạt động Lễ hội, văn hóa, giải trí, tăng cường quảng bá nhằm kích cầu du lịch, nhờ đó số lượt khách du lịch đến Quảng Nam trong 10 tháng năm 2022 tăng cao so với cùng kỳ năm trước. Theo số liệu từ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tổng lượt khách tham quan, lưu trú du lịch ước đạt gần 4,4 triệu lượt khách, tăng gấp 13 lần so với cùng kỳ. Trong đó khách quốc tế ước đạt 465 nghìn lượt khách, tăng gấp 29 lần so với cùng kỳ năm trước; Khách nội địa ước đạt gần 3,9 triệu lượt khách, tăng gấp 12 lần so với cùng kỳ.

Doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ ước đạt gần 3,6 nghìn tỷ đồng, tăng 5,5% so với cùng kỳ; trong đó: doanh thu vận tải hành khách ước đạt 484 tỷ đồng, tăng 80%, doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt hơn 2,4 nghìn tỷ đồng giảm 5,1%, doanh thu hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt gần 648 tỷ đồng tăng 18,5%. Sản lượng hành khách vận chuyển ước đạt trên 8,7 triệu lượt khách, tăng 60% so với cùng kỳ và luân chuyển hành khách đạt 497 triệu lượt khách.km, tăng 25%. Sản lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt gần 9,8 triệu tấn, giảm 24% và sản lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 1.111 triệu tấn.km, giảm 18,8%) so với cùng kỳ.

***1.3. Nông nghiệp và nông thôn***

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 10 chịu ảnh hưởng của các cơn bão số 4, số 5 và các đợt mưa lớn trên diện rộng nên năng suất một số cây trồng giảm; sản lượng khai thác thủy sản đạt thấp; chăn nuôi gia súc, gia cầm duy trì thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển có xu hướng tăng trưởng khá; sản xuất lâm nghiệp cơ bản ổn định.

*1.3.1 Sản xuất nông nghiệp*

Sản xuất nông nghiệp tập trung chủ yếu thu hoạch lúa vụ Mùa và các loại cây hàng năm khác. Đến nay, các địa phương đã cơ bản thu hoạch xong 41,6 nghìn ha lúa Mùa, năng suất đạt 49 tạ/ha, giảm 1,1 tạ/ha; sản lượng đạt 203,9 nghìn tấn giảm 2 nghìn tấn so với vụ Mùa năm 2021, năng suất giảm do ảnh hưởng của các đợt mưa lớn diện rộng, làm cho một số diện tích lúa đang trổ bị lem lép thối hạt. Tính chung cả năm diện tích gieo cấy đạt 83,2 nghìn ha, tăng 576 ha so với năm 2021; năng suất ước đạt 52,5 tạ/ha, giảm 3,4 tạ/ha; sản lượng đạt 437,2 nghìn tấn, giảm 25,2 nghìn tấn.

Diện tích gieo trồng cây hằng năm khác đạt 61,8 nghìn ha, giảm 402 ha so với năm 2021. Một số cây có diện tích giảm mạnh như: sắn đạt hơn 9 nghìn ha, giảm 297 ha; bắp đạt 11,5 nghìn ha, giảm 119 ha... Tổng sản lượng lương thực cây có hạt năm 2022 đạt 491,9 nghìn tấn, giảm 26,9 nghìn tấn so với năm 2021, trong đó sản lượng bắp đạt 54,6 nghìn tấn, giảm 1,8 nghìn tấn, khoai lang 17,5 nghìn tấn tăng 1,2 nghìn tấn; sắn 156,5 nghìn tấn, giảm 4,3 nghìn tấn; đậu phụng 23,5 nghìn tấn, giảm 1,3 nghìn tấn...

*1.3.2. Chăn nuôi*

Tổng đàn trâu ước đạt trên 60 nghìn con tăng 550 con so cùng cùng kỳ; đàn bò đạt 174,5 nghìn con, tăng 2,2 nghìn con; đàn lợn đạt 340,2 nghìn con (+10 nghìn con; +3%). Chăn nuôi gia cầm dịch bệnh được kiểm soát, giá cả ổn định, tổng đàn gia cầm hiện nay ước đạt 8,8 triệu con, tăng 403 nghìn con, trong đó đàn gà gần 7,3 triệu con, tăng 339 nghìn con.

Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng 10 tháng đầu năm 2022 ước đạt trên 49,8 nghìn tấn; trong đó thịt trâu ước đạt gần 1,9 nghìn tấn, tăng 95 tấn so cùng kỳ; thịt bò đạt hơn 9 nghìn tấn, tăng 498 tấn; thịt heo 21,6 nghìn tấn, tăng 1,7 nghìn tấn; thịt gia cầm 17,2 nghìn tấn, tăng 1,5 nghìn tấn. Sản lượng trứng gia cầm ước đạt trên 199 triệu quả, tăng 8,4 triệu quả so với cùng kỳ.

Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm được kiểm soát tốt, dịch tả lợn Châu Phi trên đàn lợn còn 6 xã/6 huyện có bệnh chưa qua 21 ngày; bệnh viêm da nổi cục trên đàn trâu bò là 6 xã/5 huyện, thành phố đang còn gia súc mắc bệnh; riêng dịch cúm gia cầm không phát sinh.

*1.3.3. Lâm nghiệp*

Diện tích rừng trồng mới tập trung tháng 10 ước đạt 3,5 nghìn ha, sản lượng gỗ khai thác đạt 133 nghìn m3, tăng 4,2 nghìn m3. Tính chung 10 tháng đầu năm 2022, diện tích rừng trồng mới tập trung đạt gần 13,2 nghìn ha, tăng 439 ha so với cùng kỳ; sản lượng gỗ khai thác đạt gần 1,4 triệu m3, tăng 59,7 nghìn m3. Công tác quản lý, bảo vệ rừng được các ngành chức năng tăng cường chỉ đạo; do đó, từ đầu năm đến nay chỉ xảy ra 05 vụ cháy rừng và 32 vụ phá rừng với tổng diện tích thiệt hại 22 ha (số vụ cháy rừng giảm 10 lần so với cùng kỳ năm trước).

*1.3.4. Thuỷ sản*

Hoạt động thủy sản chịu ảnh hưởng của bão số 4, số 5 và các đợt không khí lạnh tăng cường, các hoạt động khai thác ở vùng ven bờ và vùng khơi hoạt động không được liên tục, sản lượng đạt thấp. Ước tính sản lượng khai thác thủy sản tháng 10 đạt hơn 5,8 nghìn tấn, giảm 61 tấn so với cùng tháng năm trước. Tuy nhiên, cộng dồn 10 tháng đầu năm 2022 đạt gần 89 nghìn tấn, tăng 1,9 nghìn tấn so với cùng kỳ.

Tổng diện tích nuôi trồng thuỷ sản 10 tháng đầu năm 2022 đạt trên 5,5 nghìn ha, tăng 170 ha so với cùng kỳ, trong đó diện tích nuôi cá 1,9 nghìn ha tăng 102 ha; tôm nuôi hơn 2,9 nghìn ha, tăng 60 ha. Sản lượng nuôi trồng thuỷ sản ước đạt hơn 26,6 nghìn tấn, tăng 433 tấn, bao gồm: sản lượng cá đạt trên 7,9 nghìn tấn, tăng 382 tấn; sản lượng tôm đạt 17,8 nghìn tấn, xấp xỉ cùng kỳ; sản lượng thủy sản khác đạt trên 864 tấn, tăng 44 tấn.

*1.3.5. Nông thôn mới*

Tiếp tục khẩn trương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới (NTM). Đến nay, bình quân chung số tiêu chí NTM đạt chuẩn của toàn tỉnh là 16,43 tiêu chí/xã, đã có 118 xã được công nhận đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 60,8% và có 10 xã đạt chuẩn nâng cao; 01 xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu; có 04 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM[[4]](#footnote-4); có 195 thôn đã được công nhận đạt chuẩn “Khu dân cư NTM kiểu mẫu”; có 14 thôn được công nhận thôn NTM.

Mục tiêu đến cuối năm 2022 có thêm ít nhất 07 xã đạt chuẩn NTM, nâng tổng số xã đạt chuẩn lên 125 xã/194 xã, đạt tỷ lệ 64,4%; bình quân chung số tiêu chí đạt chuẩn của toàn tỉnh (194 xã) từ 16,5 tiêu chí/xã trở lên; có thêm ít nhất 20 thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu; các xã đã đạt chuẩn NTM tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí theo Bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025.

***1.4. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)***

Trong tháng 10, giá xăng dầu tiếp tục điều chỉnh giảm không chỉ góp phần giúp người tiêu dùng giảm bớt áp lực chi tiêu mà còn hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình phục hồi hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, giá lương thực, thực phẩm thiết yếu tăng do ảnh hưởng của mưa bão, cùng với giá thuê nhà ở tăng khi học sinh, sinh viên nhập học là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10 tăng 0,43% so với tháng trước. CPI bình quân 10 tháng năm 2022 tăng 4,58% so với cùng kỳ[[5]](#footnote-5).

**2. Tình hình phân bổ kế hoạch vốn năm 2022 và kết quả thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công**

Tổng vốn đầu tư công năm 2022 là 8.244,555 tỷ đồng *(kế hoạch giao đầu năm là 6.861,840 tỷ đồng)*. Trong đó, kế hoạch vốn năm 2022 là 7.831,310 tỷ đồng *(bao gồm 900,558 tỷ đồng vốn NSTW hỗ trợ 03 Chương trình MTQG, ngân sách tỉnh phát sinh 1.069,488 tỷ đồng)*, kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài 413,3 tỷ đồng. Đến nay, đã phân bổ 6.900,641tỷ đồng, đạt 98% *(vốn NSTW đạt 98%, ngân sách địa phương đạt 84%)*. Kế hoạch vốn còn lại 930,669 tỷ đồng, gồm: vốn NSTW 35,395 tỷ đồng[[6]](#footnote-6); ngân sách địa phương 895,274 tỷ đồng[[7]](#footnote-7).

Kết quả giải ngân vốn đầu tư công toàn tỉnh đến 31/10/2022 là 3.762,5 tỷ đồng, đạt 60% so với kế hoạch giao đầu năm, đạt 50,4% so với KHV bổ sung. Riêng đối với kế hoạch vốn năm 2022 giải ngân 3.582,5 tỷ đồng, đạt 61,1% so với kế hoạch vốn giao từ đầu năm (toàn quốc ước đạt đến hết tháng 10: 51,34%) và đạt 50,8% so với kế hoạch vốn sau khi bổ sung (toàn quốc ước đạt 46,44%); kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài giải ngân 180,029 tỷ đồng, đạt 43,6%.

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của 03 Chương trình MTQG nguồn vốn đầu tư là 4.145,4 tỷ đồng, gồm: vốn ngân sách trung ương 3.117 tỷ đồng *(trung ương chưa phân bổ nguồn vốn sự nghiệp)*, ngân sách tỉnh 968,4 tỷ đồng). Riêng kế hoạch vốn 2022 của 03 Chương trình MTQG là 1.487,8 tỷ đồng *(vốn đầu tư NSTW 900,558 tỷ đồng, vốn đầu tư ngân sách tỉnh 107 tỷ đồng; vốn sự nghiệp 480,3 tỷ đồng)*. Đến nay, vốn đầu tư đã phân bổ 972,1 tỷ đồng, đạt 96,5%*.* Hiện nay, UBND cấp huyện và chủ đầu tư đang thực hiện các thủ tục đầu tư và giao chi tiết kế hoạch vốn cho từng danh mục dự án thuộc các Chương trình. Do đó, kế hoạch vốn đầu tư NSTW năm 2022 của 03 Chương trình MTQG chưa giải ngân; vốn đầu tư ngân sách tỉnh chỉ có Chương trình MTQG Nông thôn mới giải ngân hơn 45,5/87 tỷ đồng. Dự kiến đến hết ngày 31/12/2022, 03 Chương trình MTQG giải ngân đạt 59% và đến hết ngày 31/01/2023 giải ngân đạt 74,6%.

Căn cứ Công văn số 7248/BKHĐT-TH ngày 12/10/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023, trong đó Bộ Kế hoạch và Đầu tư yêu cầu bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội với dự kiến tổng kế hoạch vốn năm 2023 nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội là 621 tỷ đồng. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu UBND tỉnh tại Báo cáo số 674/BCSKHĐT ngày 14/10/2022 về Báo cáo dự kiến phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023, trong đó Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội với tổng kế hoạch vốn năm 2023 là 621 tỷ đồng (tương đương tổng kế hoạch vốn NSTW của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội).

Nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đến nay đang hoàn chỉnh hồ sơ Báo cáo cuối kỳ. Hội thảo góp ý xây dựng Báo cáo giữa kỳ Quy hoạch tỉnh được tổ chức thành công, đặc biệt đã mời các chuyên gia, nhà khoa học uy tín, có kinh nghiệm trên các lĩnh vực nghiên cứu tham gia góp ý, chia sẻ kinh nghiệm trong xây dựng định hướng Quy hoạch. Dự kiến Quy hoạch tỉnh sẽ trình Hội đồng thẩm định, thông qua Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong quý IV/2022.

**3. Tài chính, tiền tệ và thu chi ngân sách**

Tổng thu ngân sách nhà nước từ đầu năm tính đến 31/10/2022 đạt hơn 23,9 nghìn tỷ đồng, đạt 101% dự toán năm, tăng 45% so với cùng kỳ; trong đó thu nội địa đạt trên 18,5 nghìn tỷ đồng, đạt 97%; tăng 30%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt hơn 5,34 nghìn tỷ đồng, đạt 114%, gấp 2,5 lần so với cùng kỳ. Trong thu nội địa, thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 1.051 tỷ đồng, đạt 70% dự toán, giảm 3%; thu từ khu vực công, thương nghiệp và dịch vụ ngoài nhà nước đạt 12,15 nghìn tỷ đồng, đạt hơn 100% dự toán, tăng 49%,… Tổng chi ngân sách nhà nước đạt gần 15,2 nghìn tỷ đồng, đạt 64% dự toán; trong đó chi thường xuyên đạt trên 8,5 nghìn tỷ đồng, đạt 66% dự toán; chi đầu tư phát triển gần 6,7 nghìn tỷ đồng, đạt 146% dự toán.

Cùng với nhiều giải pháp nhằm thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế theo chỉ đạo của UBND tỉnh và Ngân hàng nhà nước Việt Nam, các chỉ số hoạt động của ngành Ngân hàng đạt kết quả tăng trưởng tích cực so với đầu năm. Các tổ chức tín dụng trên địa bàn đã triển khai nhiều chương trình, biện pháp hỗ trợ đối với các lĩnh vực ưu tiên và khách hàng bị ảnh hưởng của dịch Covid-19, góp phần phục hồi kinh tế. Ước tính đến 31/10/2022, tổng huy động vốn trên địa bàn đạt gần 75,6 nghìn tỷ đồng, tăng 1,2% so với đầu tháng và tăng 12,8% so với đầu năm 2022. Dư nợ cho vay của các tổ chức tín dụng trên địa bàn đến cuối tháng 10/2022 ước đạt trên 92,5 nghìn tỷ đồng, tăng 0,9% so với đầu tháng và tăng 11% so với đầu năm; trong đó tín dụng ngắn hạn chiếm tỷ trọng 55,1%, tín dụng trung dài hạn chiếm 44,9% trong tổng dư nợ.

**4. Cải cách hành chính, thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp**

Tập trung triển khai quyết liệt Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 12/4/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam đến năm 2025. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2022[[8]](#footnote-8). Sắp xếp, kiện toàn tổ chức hành chính các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh, triển khai Quyết định số 916/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 về thành lập Hội đồng thẩm định Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và Kế hoạch số 5753/KH-UBND ngày 31/8 2021 về thẩm định Đề án vị trí việc làm (khối tổ chức hành chính) của các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; đến nay đã đã phê duyệt 21 đề án vị trí việc làm (khối tổ chức hành chính)[[9]](#footnote-9) và phê duyệt vị trí việc làm 13 đơn vị sự nghiệp[[10]](#footnote-10).

Tiếp tục thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, tăng cường công khai, minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính, từng bước nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ cơ quan hành chính nhà nước. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính, trong đó tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công trong tháng 10/2022 đã tiếp nhận 10.239 hồ sơ, trong đó trước và đúng hạn 7.704 hồ sơ và trễ hạn 10 hồ sơ; tại UBND cấp huyện đã tiếp nhận 22.386 hồ sơ, trong đó hồ sơ đã giải quyết trước và đúng hạn là 9.346 hồ sơ; cấp xã tiếp nhận 29.760 hồ sơ, trong đó hồ sơ đã giải quyết trước và đúng hạn 26.855 hồ sơ.

Đến 31/10/2022, cả tỉnh có 1.069 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 10,2% so với cùng kỳ, số vốn đăng ký đạt 6.551 tỷ đồng, giảm 13,6% so với cùng kỳ. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 6,13 tỷ đồng. Bên cạnh đó, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động 535 doanh nghiệp, tăng 31,7%. Số doanh nghiệp đã giải thể 183 doanh nghiệp, tăng 12,3% (tương ứng tăng 20 doanh nghiệp); số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động 811 doanh nghiệp, tăng 20,5% (tương ứng tăng 138 doanh nghiệp).

Tính từ đầu năm 2022 đến nay, cấp mới 05 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài với tổng vốn đầu tư 68,24 triệu USD, nâng tổng số dự án FDI còn hiệu lực là 195 dự án với tổng vốn đầu tư khoảng 6,06 tỷ USD và cấp mới 51 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký 8.368 tỷ đồng, nâng tổng số dự án trong nước còn hiệu lực là 964 dự án với tổng vốn đăng ký hơn 242 nghìn tỷ đồng. Song song với việc thu hút đầu tư, công tác rà soát, hậu kiểm sau cấp chứng nhận đăng ký đầu tư được quan tâm, tăng cường, góp phần giải quyết dứt điểm các dự án chậm tiến độ, tạo cơ hội cho các nhà đầu tư khác thực sự có năng lực triển khai dự án.

**5. Một số vấn đề xã hội**

***5.1. Giáo dục***

Trong tháng 10 năm 2022, ngành Giáo dục và Đào tạo tổ chức Kỳ thi học sinh giỏi THPT năm học 2022-2023 đợt 1 và thành lập đội tuyển học sinh giỏi dự thi học sinh giỏi quốc gia năm 2022. Chuẩn bị tổ chức Kỳ thi tuyển viên chức ngành giáo dục và đào tạo năm 2022.

UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Qua đó, nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp và tự tạo việc làm của học sinh, sinh viên; trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp giúp học sinh, sinh viên tự tin, chủ động, sáng tạo trong việc khởi nghiệp, chủ động tìm việc làm, tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp.

***5.2. Văn hóa, thể dục, thể thao***

Trong tháng, trên địa bàn tỉnh tổ chức các hoạt động tuyên truyền, cổ động, kỷ niệm các ngày lễ: 55 năm thành lập Đặc Khu uỷ Quảng Đà (10/1967-10/2022); Ngày Quốc tế Người cao tuổi (01/10); Ngày Doanh nhân Việt Nam (13/10); Ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam (14/10); Ngày Phụ nữ Việt Nam (20/10);...

Ngành văn hóa tỉnh Quảng Nam tham gia Ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch vùng biên giới Việt Nam - Lào lần thứ III - năm 2022 từ ngày 01 - 03/10 tại tỉnh Điện Biên và nhận Cờ đăng cai tổ chức Ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch vùng biên giới Việt Nam - Lào lần thứ IV vào năm 2027. Tổ chức thành công giải Bóng chuyền nam “Bông lúa vàng” nông dân tỉnh Quảng Nam lần thứ X - năm 2022. Tham gia thi đấu giải Vô địch Bowling các Câu lạc bộ quốc gia năm 2022 tại thành phố Hồ Chí Minh. Kết thúc giải hạng Nhất 2022, đội bóng Quảng Nam giành được 40 điểm, xếp vị trí thứ 3 chung cuộc trên bảng xếp hạng.

***5.3. Bảo hiểm xã hội, y tế, phòng chống dịch bệnh***

*\* Bảo hiểm xã hội*

Tính đến hết tháng 10/2022, toàn tỉnh có hơn 1.486 người tham gia BHXH, BHYT, BHTN; tăng 3,5% so với cùng thời điểm năm trước; trong đó BHXH đạt 210,8 nghìn người, tăng 4,9%; BHYT đạt gần 1,5 triệu người tăng 3%; BHTN đạt 175,4 nghìn người tăng 6%.

*\* Công tác y tế, phòng chống dịch bệnh*

Từ ngày 18/9 đến ngày 16/10/2022, Quảng Nam ghi nhận 64 ca mắc mới Covid-19. Tính từ đầu mùa dịch đến ngày 16/10/2022, toàn tỉnh đã có 49.386 ca nhiễm, trong đó từ ngày 01/01/2022 đến nay có 42.925 ca nhiễm. Đến ngày 16/10/2022 toàn tỉnh đã tiêm ít nhất 1 mũi cho 1.105.001 người từ 18 tuổi trở lên, đạt tỷ lệ 100% số người cần tiêm; 1.060.740 người tiêm mũi 2 (đạt tỷ lệ 97,6%); 557.038 người tiêm mũi 3 (đạt tỷ lệ 51,4%); 200.584 người tiêm mũi 4 (đạt tỷ lệ 75,6%).

Trong tháng 10 dịch bệnh sốt xuất huyết tiếp tục gia tăng, bùng phát mạnh và diễn biến phức tạp trên địa bàn tỉnh, toàn tỉnh đã phát hiện hơn 12.100 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết, tăng gấp 22 lần so với cùng kỳ, trong đó đã có một trường hợp đã tử vong.

***5.4. An toàn giao thông, thiên tai***

Theo số liệu của phòng Cảnh sát Giao thông Quảng Nam từ ngày 15/9 - 14/10, trên địa bàn tỉnh xảy ra 15 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 10 người, bị thương 11 người. Tai nạn đường sắt và đường thủy nội địa không xảy ra. So với tháng trước, số vụ tai nạn giao thông đường bộ tăng 2 vụ, giảm 2 người chết, bị thương tăng 6 người. Như vậy, tính đến ngày 14/10/2022 (từ ngày 15/12/2021 - 14/10/2022) trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 130 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 95 người, bị thương 82 người; so với cùng kỳ năm trước số vụ tai nạn giao thông đường bộ giảm 8 vụ, giảm 6 người chết và giảm 12 người bị thương.

Trong tháng, trên địa bàn tỉnh xảy ra 3 đợt thiên tai (bao gồm: bão số 4; bão số 5 và mưa lớn từ ngày 09-12/10/2022), gây thiệt hại lớn như sau: 05 người chết; 150 người bị thương; 119 nhà bị thiệt hại trên 70%; 7.025 nhà bị thiệt hại từ 70% trở xuống; 4.362 nhà bị ngập; sập 01 chòi gác; 643 ha lúa bị thiệt hại; hư hại 1.642 ha hoa màu; 900 gia súc và 83.770 gia cầm bị chết. Tính từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh xảy ra 16 đợt thiên tai gồm các loại hình sau: 04 vụ mưa lớn; 03 vụ sạt lở sụt lún đất; 07 vụ sét đánh, dông lốc; 02 cơn bão; so với cùng kỳ năm trước tổng số vụ thiên tai tăng 8 vụ; tổng giá trị thiệt hại ước tính hơn 4,4 nghìn tỷ đồng.

**6. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội 10 tháng năm 2022 và dự kiến thực hiện năm 2022:**

So với 15 chỉ tiêu theo Nghị quyết của Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra năm 2022, đến hết tháng 10/2022, dự kiến vượt đối với 3 chỉ tiêu quan trọng đó là: (1) Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP giá so sánh 2010); (2) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội/GRDP; (3) Thu ngân sách trên địa bàn. 7 chỉ tiêu dự kiến đạt, đó là: (1) Số xã đạt chuẩn nông thôn mới; (2) Số giường bệnh/vạn dân; (3) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế; (4) Tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch; (5) Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom; (6) Tỷ lệ che phủ rừng; (7) Tỷ lệ công dân gọi nhập ngũ (đạt), Tỷ lệ xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng (đạt), Tỷ lệ xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện (vượt) và 5 chỉ tiêu còn lại dự kiến sẽ thực hiện đánh giá và có kết quả rà soát vào cuối năm[[11]](#footnote-11).

| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **Kế hoạch năm 2022** | **10 tháng đầu năm 2022** | **Dự kiến thực hiện năm 2022** | **Đánh giá** | **Đơn vị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP giá so sánh 2010) | % | 7,5-8,0 | 13,2 | >10 | Vượt | Cục TK |
| 2 | Tổng vốn đầu tư toàn xã hội/GRDP | % | >30 | 32,1 | >30 | Vượt |
| 3 | Thu ngân sách trên địa bàn | Tỷ đồng | 23.700 | 23.915 | ~30.000 | Vượt | Sở TC |
| *Trong đó thu nội địa* | *Tỷ đồng* | *19.000* | *18.523* |  | *Vượt* |  |
| 4 | Số xã đạt chuẩn nông thôn mới | xã | 123/194 | 118/194 | 123/194 | Đạt | Sở NN |
| *Trong đó số xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022*  | *xã* | *05* |  | *05* | *Đạt* |  |
| 5 | Giảm số hộ nghèo | hộ | 3.000 | Rà soát vào cuối năm | Rà soát vào cuối năm |  | Sở TB, LĐ và XH |
| 6 | Tỷ lệ lao động qua đào tạo | % | 69 |  |
| *Trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ*  | % | 29 |  |
| 7 | Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (thể thấp còi) | % | <21,2 |  | Sở Y tế  |
| 8 | Số giường bệnh/vạn dân | Giường/vạn dân | 44,6 | 44,6 | 44,6 | Đạt |
| 9 | Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế | % | 96 | 95,99 | 96 | Đạt | BHXH |
| 10 | Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh | % | 95,6 | 93,88 | Rà soát vào cuối năm |  | Sở NN |
| 11 | Tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch | % | 82,5 | 82 | 82,5 | Đạt | Sở XD |
| 12 | Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom | % | 97 | 96,5 | 97 | Đạt | STNMT |
| 13 | Tỷ lệ che phủ rừng | % | 59,5 | 58,88 | 59,5 | Đạt | Sở NN |
| 14 | Tỷ lệ công dân gọi nhập ngũ | % | 100 | 100 | 100 | Đạt | BCH QS |
| Tỷ lệ xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng | % | 100 | 100 | 100 | Đạt | BCH QS |
| Tỷ lệ xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện | % | >70 | 74,27 | 74,27 | Vượt | BCH QS |
| 15 | Tỷ lệ xã, phường, thị trấn an toàn về an ninh, trật tự | % | >80 | - | Rà soát vào cuối năm |  | CA tỉnh |

**7. Đánh giá chung:**

Qua 10 tháng đầu năm 2022tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục duy trì mức tăng trưởng cao. Khu vực công nghiệp tiếp tục đóng vai trò động lực dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế. Đặc biệt dịch vụ lưu trú, ăn uống và lữ hành từng bước phục hồi và tăng trưởng đáng kể. Khu vực xây dựng tăng trưởng, tuy còn gặp nhiều khó khăn do giá nguyên vật liệu tăng cao; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chịu ảnh hưởng yếu tố thời tiết bất lợi.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn còn tồn tại, hạn chế mặc dù nguồn thu ngân sách nhà nước tăng, dự kiến vượt dự toán nhưng đối với nguồn thu từ tiền sử dụng đất vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, nguồn thu từ các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chưa đạt tiến độ, giải ngân vốn đầu tư công còn chậm. Công tác lập Quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung của một số địa phương còn chậm so với yêu cầu; tiến độ triển khai các dự án, công trình trọng điểm chưa bảo đảm đúng tiến độ đề ra, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia triển khai chưa đảm bảo yêu cầu. Tình hình dịch bệnh sốt xuất huyết bùng phát và lan rộng; thời tiết diễn biến phức tạp, khó lường. UBND tỉnh sẽ tiếp tục tổ chức thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống và kiểm soát tốt dịch bệnh; đồng thời, tăng cường các hoạt động nhằm phát triển kinh tế, thu hút đầu tư, tháo gỡ các điểm nghẽn về mặt bằng, thủ tục, hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh duy trì và phát triển sản xuất, rà soát điều chuyển các nguồn vốn thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2022, chuẩn bị đầu tư các dự án khởi công mới năm 2023, tập trung đảm bảo anh sinh xã hội, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch năm 2022 đã đề ra.

Trên đây là báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội tháng 10, 10 tháng và dự kiến cả năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam./.

***Nơi nhận:***

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

- TVTU, HĐND, UBMTTQVN tỉnh;

- CT, các phó CT UBND tỉnh;

- Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh;

- Các sở, ban, ngành;

- VPTU, VPHĐND, VP ĐBQH tỉnh;

- UBND các huyện, thị xã, thành phố;

- CPVP, các phòng chuyên viên;

- Lưu: VT, TH

1. Do quý III/2021 là thời điểm dịch Covid-19 bùng phát mạnh, ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hoạt động sản xuất kinh doanh, tốc độ tăng GRDP quý III/2021 giảm 1,8% so với cùng kỳ năm 2020. [↑](#footnote-ref-1)
2. Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung: Xếp sau Khánh Hòa (tăng 20,5%); Đà Nẵng (tăng 16,8%); Thanh Hóa (14,24%). So với 5 tỉnh trong khu vực trọng điểm kinh tế miền Trung: Xếp sau Đà Nẵng, xếp trên Bình Định (tăng 8,9%); Thừa Thiên Huế (tăng 8,04%); Quảng Ngãi (tăng7,97%). [↑](#footnote-ref-2)
3. Ttương ứng 9 tháng năm 2021: 16,5%; 32,1%; 34,0%; 17,4%. [↑](#footnote-ref-3)
4. Huyện Phú Ninh, thị xã Điện Bàn, thành phố Tam Kỳ và huyện Duy Xuyên. [↑](#footnote-ref-4)
5. Trong đó chỉ số giá nhóm giao thông tăng cao nhất tăng 15,63% trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ; nhà ở, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,97%; đồ uống và thuốc lá tăng 5,38%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,62%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,90%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,63%; giáo dục tăng 1,58%); hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,50%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,32%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,28%; riêng nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,05%. [↑](#footnote-ref-5)
6. Gồm: Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững 22,8 tỷ đồng; Chương trình MTQG Phát triển KTXH miền núi 12,565 tỷ đồng do một số dự án do khối ngành làm chủ đầu tư sẽ được phân bổ chi tiết cho từng danh mục dự án khi đảm bảo thủ tục đầu tư theo quy định. [↑](#footnote-ref-6)
7. Gồm: trả nợ vay đến hạn 47,819 tỷ đồng; dự phòng và chuẩn bị đầu tư dự án khởi công mới giai đoạn 2023 – 2025 là 21,286 tỷ đồng; thực hiện các chương trình Nghị quyết HĐND tỉnh 33,724 tỷ đồng và bố trí dự án khởi công mới năm 2022 chưa đảm bảo thủ tục đầu tư 14,9 tỷ đồng; nguồn vốn phát sinh đã trình phân bổ 570 tỷ đồng; nguồn vốn phát sinh chưa trình phân bổ 207,544 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-7)
8. Kế hoạch số 1185/KH-UBND ngày 03/3/2022. [↑](#footnote-ref-8)
9. Các Sở: Tài chính,Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tư pháp; Thông tin và Truyền thông; Công Thương, Y tế, Nội vụ; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Khoa học và Công nghệ; Tài nguyên và Môi trường; Thanh tra tỉnh; Ban Quản lý các Khu kinh tế và khu công nghiệp và UBND các huyện: Duy Xuyên, Quế Sơn, Phước Sơn, Nam Giang, Thăng Bình, Tây Giang, Đại Lộc, Phú Ninh và thành phố Hội An. [↑](#footnote-ref-9)
10. Ban Quản lý Vườn quốc gia Sông Thanh, Trung tâm Phục vụ Hàn chính công, Trường Cao đẳng Quảng Nam, Trung tâm Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, 06 ĐVSN thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 02 ĐVSN thuộc UBND huyện Phú Ninh. [↑](#footnote-ref-10)
11. Công văn số 2429/SNN&PTNT ngày 17/10/2022 của Sở NN và PTNT; Công văn số 2491/STNMT ngày 18/10/2022 của Sở TNMT; Báo cáo số 3110/BC-BCH ngày 28/9/2022 của BCH QS tỉnh; Công văn số 3781/BC-CAT-PV01 ngày 14/10/2022. [↑](#footnote-ref-11)